

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 24/4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồ
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 15/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 09/4/2024 đối với bị cáo:

Cao Nghĩa N (B1), sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Cao Văn C**, sinh năm 1976 (đã chết) và bà **Trần Thị Hồng H**, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: ngày 14/01/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2022/HS-ST, chấp hành xong bản án ngày 17/02/2023); nhân thân: ngày 25/11/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2021); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/12/2023 đến ngày 26/12/2023 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **số I, khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Lê Trần Khắc H1**, sinh năm 1998; nơi cư trú: **số E, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào một ngày không xác định của khoảng giữa tháng 4/2023, **Cao Nghĩa N** mượn điện thoại của người bạn tên **T** (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) chơi, **N** nhận

cuộc gọi của Nguyễn Quang M, sinh năm 1993, ĐKTT: Số D, ấp A, xã M, thành phố B (tên thường gọi là B) đến máy của T nói về việc bạn gái của Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1984, ĐKTT: Số I, Khu phố E, phường A, thành phố B tên là N1 thiếu tiền của M. Sau khi nghe điện thoại xong, N nảy sinh ý định giả danh Mên để lừa lấy tiền của L. Ngày hôm sau, N đến tiệm I ở Khu phố C, phường P dùng máy tính tạo tài khoản Zalo có tên tài khoản là “Bọ”, do N quen biết và có số điện thoại của L nên đã dùng tài khoản Zalo tên “Bọ” kết bạn với L, L đồng ý kết bạn và hai bên nhắn tin qua lại. N giả danh tài khoản Zalo tên “Bọ” yêu cầu L thay N1 trả nợ và L đồng ý. Chiều ngày 16/4/2023, N yêu cầu Luân chuyển khoản vào tài khoản số 107872472278 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 Chi nhánh B2 mang tên Lê Trần Khắc H1, sinh năm 1998, ĐKTT: Số E, Khu phố C, phường P, thành phố B (là em họ của N) số tiền 3.000.000 đồng, sau đó N yêu cầu H1 chuyển 2.900.000 đồng vào tài khoản số 050131379282 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S Chi nhánh B3 - Phòng G mang tên Phạm Thị D, còn 100.000 đồng N cho H1. Tối ngày 16/4/2023, N yêu cầu Luân chuyển tiền bằng hình thức nạp tiền vào tài khoản game cho N 2.000.000 đồng. Chiều này 17/4/2023, L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Lê Trần Khắc H1 số tiền 3.000.000 đồng, sau đó N yêu cầu H1 chuyển 2.900.000 đồng vào tài khoản số 9984180757 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N2 Chi nhánh B2 mang tên Thiều Tiến Đ, còn 100.000 đồng N cho H1. Sau khi sự việc xảy ra, L có gặp Nguyễn Quang M (B) thì phát hiện tài khoản zalo tên “Bọ” không phải là M và biết mình bị người khác lừa chuyển khoản lấy tiền. Đến ngày 18/4/2023, N tiếp tục yêu cầu L trả tiếp số tiền 2.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản nhưng L nói chỉ có tiền mặt và hẹn đến khu vực Quảng trường thuộc xã M, thành phố B nhận tiền. N nhờ Lê Trần Khắc H1 đến chỗ hẹn lấy tiền giùm thì H1 bị L giữ lại trình báo Công an.

Vật chứng thu giữ do Lê Trần Khắc H1 giao nộp: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu vàng trắng đã qua sử dụng, số seri 74b4496, số Imei 1: 866346034379271, số Imei 2: 866346034379263; 01 (một) thẻ Ngân hàng V, màu xanh mang tên Lê Trần Khắc H1, số thẻ 9704150135602566 cấp tháng 10/2022, hết hạn tháng 10/2028 (có chip).

Bị cáo Cao Nghĩa N đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng L số tiền 8.000.000 đồng, hiện phía bị hại L không yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với số tiền 200.000 đồng Cao Nghĩa N cho Lê Trần Khắc H1 khi nhờ H1 nhận tiền và chuyển khoản giùm N, N không yêu cầu H1 trả lại.

Quá trình điều tra, Cao Nghĩa N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được. Tại cáo trạng số 21/CT-VKSTPBT ngày 15/3/2014 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị: Về hình phạt chính: áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo **Cao Nghĩa N** đã bồi thường cho bị hại **Nguyễn Hoàng L** số tiền 8.000.000 đồng, phía bị hại **L** không yêu cầu gì khác và bị cáo không yêu cầu **H1** trả lại bị cáo số tiền 200.000 đồng.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu vàng trắng đã qua sử dụng, số seri 74b4496, số Imei 1: 866346034379271, số Imei 2: 866346034379263; 01 (một) thẻ **Ngân hàng V**, màu xanh mang tên **Lê Trần Khắc H1**, số thẻ 9704150135602566 cấp tháng 10/2022, hết hạn tháng 10/2028 (có chip) cho **Lê Trần Khắc H1**.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: vào các ngày 16, 17, 18/4/2023 trên địa bàn **thành phố B**, **Cao Nghĩa N** đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, tạo tài khoản **Z** có tên tài khoản là “Bọ” nhằm giả mạo “Bọ” là **Nguyễn Quang M** để nhắn tin yêu cầu Nguyễn Hoàng Luân chuyển tiền vào tài khoản của **Lê Trần Khắc H1** 02 (hai) lần, mỗi lần 3.000.000 đồng; nạp tiền vào tài khoản game của **N** 01 (một) lần 2.000.000 đồng. Như vậy **N** đã chiếm đoạt được của bị hại **L** tổng cộng 8.000.000 đồng. Lần thứ 04, **N** yêu cầu **Nguyễn Hoàng L** giao cho **N** số tiền 2.000.000 đồng nhưng khi **N** nhờ **Lê Trần Khắc H1** đến nhận tiền thì bị phát hiện nên **N** chưa lấy được tiền. Tổng số tiền bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt của bị hại là 10.000.000 đồng trong đó có 2.000.000 đồng bị cáo chưa chiếm đoạt được.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố ý cung cấp thông tin gian dối để chiếm đoạt của bị hại số tiền 10.000.000 đồng.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa, ngoài ra bị cáo đã từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phải chịu tiết “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, lần chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 18/4/2023 thì bị cáo chưa lấy được tiền nên lần phạm tội này là “Phạm tội chưa đạt” nên áp dụng Điều 15 Bộ luật hình sự khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Cao Nghĩa N đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Hoàng L số tiền 8.000.000 đồng, phía bị hại L không yêu cầu gì khác.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo đã cho H1 khi H1 giúp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng H1 không biết số tiền này là do phạm tội mà có. Đồng thời, bị cáo đã thay H1 trả lại cho bị hại số tiền này và bị cáo cũng không có yêu cầu H1 trả lại số tiền này nên không buộc H1 giao nộp lại số tiền này.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu vàng trắng đã qua sử dụng, số seri 74b4496, số Imei 1: 866346034379271, số Imei 2: 866346034379263; 01 (một) thẻ Ngân hàng V, màu xanh mang tên Lê Trần Khắc H1, số thẻ 9704150135602566 cấp tháng 10/2022, hết hạn tháng 10/2028 (có chip) là tài sản của H1 sử dụng khi giúp bị cáo lấy tiền của bị hại nhưng H1 không biết hành vi này là phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1 và trả lại tài sản này cho H1 là phù hợp.

[8] Đối với việc Phạm Thị D, Thiều Tiến Đ khi cho bị cáo mượn tài khoản để H1 chuyển tiền: hiện chỉ có lời khai của bị cáo N khẳng định D, Đ không biết số tiền này do bị cáo phạm tội mà có và không biết việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do D, Đ không có mặt ở địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với D, Đ nên

kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Nghĩa N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Nghĩa N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho Lê Trần Khắc Huy: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37, màu vàng trắng đã qua sử dụng, số seri 74b4496, số Imei 1: 866346034379271, số Imei 2: 866346034379263; 01 (một) thẻ Ngân hàng V, màu xanh mang tên Lê Trần Khắc H1, số thẻ 9704150135602566 cấp tháng 10/2022, hết hạn tháng 10/2028 (có chip). (Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Cao Nghĩa N phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND P. Phú Khương, TPBT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình